

Số: 12/TB-HĐT

An Giang, ngày 07 tháng 4 năm 2021

THÔNG BÁO

**Kết quả thi vòng 1, triệu tập thí sinh dự thi vòng 2
kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức
hành chính lên chuyên viên hoặc tương đương năm 2020**

Căn cứ Đề án số 450/ĐA-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc tổ chức thi nâng ngạch công chức và thi thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên hoặc tương đương năm 2020, đã được Bộ Nội vụ thống nhất, phê duyệt tại Công văn số 5208/BNV-CCVC ngày 02 tháng 10 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2649/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức và thi thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên hoặc tương đương năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh sách công chức, viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự kỳ thi nâng ngạch công chức và thi thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên hoặc tương đương năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Hội đồng thi nâng ngạch công chức và thi thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên hoặc tương đương năm 2020 (sau đây gọi tắt là Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính);

Sau khi tổng hợp kết quả thi vòng 1 kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên hoặc tương đương năm 2020 được tổ chức vào ngày 03 tháng 4 năm 2021, Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính thông báo kết quả thi vòng 1, triệu tập thí sinh dự thi **Vòng 2** kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên hoặc tương đương năm 2020, cụ thể như sau:

1. Kết quả thi vòng 1 đối với 115 công chức, viên chức dự thi vòng 1, gồm:

- Phụ lục 1: Kết quả thi vòng 1 đối với 52 viên chức dự thi vòng 1 kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên hoặc tương đương năm 2020 (theo Danh sách đính kèm).

- Phụ lục 2: Kết quả thi vòng 1 đối với 63 công chức dự thi vòng 1 kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên hoặc tương đương năm 2020 (theo Danh sách đính kèm).

2. Triệu tập 105 công chức, viên chức đủ điều kiện dự thi vòng 2, gồm:

- Phụ lục 3: Danh sách 49 viên chức có đủ điều kiện dự thi vòng 2 kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên hoặc tương đương năm 2020 (theo Danh sách đính kèm).

- Phụ lục 4: Danh sách 56 công chức có đủ điều kiện dự thi vòng 2 kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên hoặc tương đương năm 2020 (theo Danh sách đính kèm).

3. Nội dung và hình thức thi:

Thi viết môn chuyên môn, nghiệp vụ. Thời gian thi 120 phút với thang điểm 100.

4. Thời gian thi: 01 buổi, vào sáng ngày 17/4/2021, bắt đầu vào lúc 08 giờ 00 phút đến 10 giờ 00 phút.

5. Địa điểm thi: Tại Khu Nhà A, Trường Đại học An Giang (số 18 Ung Văn Khiêm, phường Đông Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang).

6. Một số nội dung thí sinh lưu ý:

- Danh mục tài liệu tham khảo môn chuyên môn, nghiệp vụ: được niêm yết trên cổng thông tin điện tử của Sở Nội vụ tại địa chỉ: <http://sonoivu.angiang.gov.vn>.

- Danh sách thí sinh theo theo phòng thi, sơ đồ vị trí các phòng thi, nội quy sẽ được niêm yết tại địa điểm tổ chức thi vào lúc 15 giờ 00 phút, ngày 16/4/2021.

- Thí sinh phải có mặt tại Phòng thi trước giờ thi ít nhất 30 phút để các Giám thị gọi tên vào Phòng thi.

- Khi đi thi, thí sinh mang theo Giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc Giấy tờ tùy thân có dán ảnh để xuất trình khi Giám thị gọi vào phòng thi.

- Đề phòng chống dịch bệnh Covid-19: thí sinh phải sát khuẩn tay, đeo khẩu trang, phối hợp kiểm tra thân nhiệt trước khi vào phòng thi.

Đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thông báo kết quả thi vòng 1 và thông tin thí sinh được triệu tập dự thi vòng 2 biết để tham dự đầy đủ và đúng quy định. Thông báo này, nội quy thi và các thông tin khác có liên quan đến kỳ thi được niêm yết công khai tại Sở Nội vụ (số 89, Trần Quang Diệu, phường Mỹ Hoà, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang), trên Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ <http://sonoivu.angiang.gov.vn/>. *NQA*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Nội vụ (báo cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, HDT, SNV.Pu.



**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Lê Văn Phước

PHỤ LỤC 1
KẾT QUẢ THI VÒNG 1 CỦA VIÊN CHỨC THAM DỰ
KỲ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC HÀNH CHÍNH LÊN CHUYÊN VIÊN HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG NĂM 2020
(Kèm theo Thông báo số 12/TB-HĐT ngày 07/4/2021 của Hội đồng thi nâng ngạch công chức,
thăng hạng viên chức hành chính lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương năm 2020)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Môn kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/60 câu)	Môn ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/30 câu)	Ghi chú
			Nam	Nữ						
1	B001	Lê Thị Tứ Phương		05/12/1983	Phó Trưởng phòng, Trung tâm Giống thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	37	16	
2	B002	Nguyễn Văn Hoàng	17/7/1982		Cán sự Trung tâm Kỹ thuật - Dịch vụ nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	49	21	
3	B003	Trần Huỳnh Mai		24/4/1983	Phó Trưởng phòng, Trung tâm Kỹ thuật - Dịch vụ nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	48	23	
4	B004	Chu Thị Thu Hường		21/9/1982	Nhân viên Trung tâm Kỹ thuật - Dịch vụ nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	34	18	
5	B005	Mai Thị Tiến		29/10/1985	Cán sự Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Sở Y tế	Chuyên viên	43	24	
6	B006	Dương Thị Mỹ Dung		25/01/1969	Nhân viên Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh	Sở Y tế	Chuyên viên	33	Miễn	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Môn kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/60 câu)	Môn ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/30 câu)	Ghi chú
			Nam	Nữ						
7	B007	Nguyễn Ngọc Trân		02/07/1976	Nhân viên Bệnh viện Mắt-TMH-RHM	Sở Y tế	Chuyên viên	44	Miễn	
8	B008	Huỳnh Thị Thảo		17/09/1974	Phó Trưởng phòng, Trung tâm Y tế TP Châu Đốc	Sở Y tế	Chuyên viên	42	20	
9	B009	Trần Thị Thanh Loan		09/08/1985	Nhân viên Trung tâm Y tế TP Châu Đốc	Sở Y tế	Chuyên viên	51	18	
10	B010	Nguyễn Thị Trang		1975	Phó Trưởng phòng, Trung tâm Y tế huyện Tịnh Biên	Sở Y tế	Chuyên viên	39	Miễn	
11	B011	Lê Thành Hậu	07/02/1979		Phó Trưởng phòng, Trung tâm Y tế huyện Tịnh Biên	Sở Y tế	Chuyên viên	44	Miễn	
12	B012	Trung Vương Hoàng Lượng	16/09/1988		Nhân viên Trung tâm Thẩm định dự án Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Chuyên viên	55	23	
13	B013	Phan Phúc Kiến	15/10/1985		Phó Trưởng phòng, Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên	52	25	
14	B014	Nguyễn Phúc Vĩnh	20/02/1981		Phó Trưởng phòng, Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên	47	20	
15	B015	Phạm Văn Tám	06/02/1980		Trưởng phòng, Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên	49	18	
16	B016	Nguyễn Hồng Sơn	15/05/1980		Phó Trưởng phòng, Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên	51	25	
17	B017	Huỳnh Văn Hận	28/08/1984		Phó Trưởng phòng, Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên	43	22	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Môn kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/60 câu)	Môn ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/30 câu)	Ghi chú
			Nam	Nữ						
18	B018	Huỳnh Phú Cường	17/07/1965		Cán sự Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên	54	Miễn	
19	B019	Hồ Thị Kim Hồng		11/04/1987	Phó Trưởng phòng, Trung tâm Dịch vụ việc làm An Giang	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên	51	27	
20	B020	Võ Thanh Hải	28/08/1965		Phó Trưởng phòng, Trung tâm Thẩm định dịch vụ tài chính	Sở Tài chính	Chuyên viên	40	Miễn	
21	B021	Phan Kim Nhị		18/02/1984	Trưởng phòng, Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Chuyên viên	52	20	
22	B022	Nguyễn Sĩ Hùng	24/11/1969		Phó Trưởng phòng, Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Chuyên viên	43	19	
23	B023	Dương Thanh Khiết	23/12/1985		Trưởng phòng, Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Chuyên viên	39	23	
24	B024	Trần Lệ Xuân		19/06/1976	Phó Giám đốc Trung tâm Tin học tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Chuyên viên	47	18	
25	B025	Trần Thiện Khâm	09/06/1989		Phó Trưởng phòng	Ban Quản lý Di tích Văn hóa Óc Eo	Chuyên viên	48	25	
26	B026	Phan Ngọc Tuấn	15/08/1980		Nhân viên Đài Truyền thanh huyện An Phú	UBND huyện An Phú	Chuyên viên	35	18	
27	B027	Huỳnh Hồ Thanh Huy	1976		Phó Giám đốc Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện An Phú	UBND huyện An Phú	Chuyên viên	54	Miễn	
28	B028	Trương Hồ Triều Nghi	10/04/1975		Cán sự Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Chợ Mới	UBND huyện Chợ Mới	Chuyên viên	50	21	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Môn kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/60 câu)	Môn ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/30 câu)	Ghi chú
			Nam	Nữ						
29	B029	Nguyễn Toàn Thắng	24/06/1983		Cán sự Đội Quản lý trật tự đô thị TP Long Xuyên	UBND TP Long Xuyên	Chuyên viên	51	24	
30	B030	Lê Hữu Đức	24/12/1982		Phó Giám đốc Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện Châu Thành	UBND huyện Châu Thành	Chuyên viên	32	16	
31	B031	Võ Ngọc Hạnh		16/09/1975	Cán sự Trung tâm Phát triển Quỹ đất TP Châu Đốc	UBND TP Châu Đốc	Chuyên viên	49	15	
32	B032	Phạm Thanh Tân	26/05/1982		Cán sự Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Thoại Sơn	UBND huyện Thoại Sơn	Chuyên viên	38	13	
33	B033	Nguyễn Thị Kim Ngân		12/06/1987	Kế toán Trung tâm Tư vấn Dịch vụ Dân số - gia đình và trẻ em	Sở Y tế	Kế toán viên	44	24	
34	B034	Nguyễn Thị Kim Sang		12/06/1983	Kế toán Bệnh viện Đa khoa trung tâm An Giang	Sở Y tế	Kế toán viên	38	17	
35	B035	Hồ Thị Cẩm Quyên		22/01/1983	Kế toán Bệnh viện Đa khoa trung tâm An Giang	Sở Y tế	Kế toán viên	46	23	
36	B036	Lê Dương Bích Thuận		10/05/1980	Kế toán Bệnh viện Sản - Nhi	Sở Y tế	Kế toán viên	41	22	
37	B037	Bùi Trung Việt	17/01/1972		Kế toán Bệnh viện Sản - Nhi	Sở Y tế	Kế toán viên	54	21	
38	B038	Huỳnh Dương Ngọc Tú	28/08/1985		Kế toán Bệnh viện Sản - Nhi	Sở Y tế	Kế toán viên	45	18	
39	B039	Phạm Nguyễn Thảo Nguyên		29/12/1985	Kế toán Bệnh viện Sản - Nhi	Sở Y tế	Kế toán viên	47	21	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Môn kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/60 câu)	Môn ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/30 câu)	Ghi chú
			Nam	Nữ						
40	B040	Lê Ngọc Dung		25/05/1989	Kế toán Bệnh viện Sản - Nhi	Sở Y tế	Kế toán viên	37	22	
41	B041	Huỳnh Ngọc Diễm		12/02/1986	Kế toán Bệnh viện Sản - Nhi	Sở Y tế	Kế toán viên	49	22	
42	B042	Lê Thị Thùy Trang		04/05/1986	Kế toán Bệnh viện Sản - Nhi	Sở Y tế	Kế toán viên	39	23	
43	B043	Hà Thị Bích Hoàn		13/04/1973	Kế toán Bệnh viện Tim mạch	Sở Y tế	Kế toán viên	35	17	
44	B044	Trần Kim Ngọc		20/03/1982	Kế toán Bệnh viện Tim mạch	Sở Y tế	Kế toán viên	32	21	
45	B045	Lương Thị Thanh Tâm		16/06/1981	Phó Trưởng phòng, Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Châu	Sở Y tế	Kế toán viên	40	22	
46	B046	Trần Ngọc Vân Khoa		22/12/1982	Kế toán Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Châu	Sở Y tế	Kế toán viên	41	20	
47	B047	Đỗ Thị Thanh Trúc		07/07/1982	Kế toán Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Châu	Sở Y tế	Kế toán viên	36	18	
48	B048	Huỳnh Quốc Điền	30/10/1988		Kế toán Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Sở Y tế	Kế toán viên	46	25	
49	B049	Dương Kim Thoa		13/03/1975	Phó Trưởng phòng, Trường Trung cấp Nghề Dân tộc nội trú	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Kế toán viên	44	21	
50	B050	Trần Thị Ngọc Hương		02/06/1985	Kế toán	Trường Cao đẳng Nghề An Giang	Kế toán viên	48	23	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Môn kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/60 câu)	Môn ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/30 câu)	Ghi chú
			Nam	Nữ						
51	B051	Trần Huỳnh Kim Ngân		02/04/1987	Kế toán Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện Châu Thành	UBND huyện Châu Thành	Kế toán viên	44	14	
52	B052	Nguyễn Thị Dệp		06/11/1980	Kế toán Trường Tiểu học B An Túc, huyện Tri Tôn	UBND huyện Tri Tôn	Kế toán viên	50	7	
Tổng cộng: 52 người										

PHỤ LỤC 2
KẾT QUẢ THI VÒNG 1 CỦA CÔNG CHỨC THAM DỰ

KỲ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC HÀNH CHÍNH LÊN CHUYÊN VIÊN HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số 12/TB-HDT ngày 07/4/2021 của Hội đồng thi nâng ngạch công chức,
thăng hạng viên chức hành chính lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương năm 2020)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Môn kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/60 câu)	Môn ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/30 câu)	Ghi chú
			Nam	Nữ						
1	A001	Đoàn Hàn Giang	30/01/1974		Cán sự Chi cục Thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	19	Vắng	
2	A002	Võ Trung Kiên	06/01/1986		Nhân viên Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	44	22	
3	A003	Trần Thị Trường An		16/07/1979	Cán sự Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	48	15	
4	A004	Nguyễn Thị Phú		22/04/1983	Cán sự Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	42	21	
5	A005	Đỗ Văn Hữu	10/11/1972		Phó Trưởng phòng, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Sở Y tế	Chuyên viên	48	21	
6	A006	Nguyễn Văn Ngọc	04/12/1977		Cán sự Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Sở Y tế	Chuyên viên	49	20	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Môn kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/60 câu)	Môn ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/30 câu)	Ghi chú
			Nam	Nữ						
7	A007	Trần Phương Nam	25/11/1990		Cán sự Phòng Quản lý quy hoạch và xây dựng	Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh	Chuyên viên	52	26	
8	A008	Trần Thị Niêm		24/04/1977	Cán sự Phòng Quản lý doanh nghiệp	Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh	Chuyên viên	42	15	
9	A009	Triệu Thạch Vũ	1979		Cán sự Ban Tôn giáo	Sở Nội vụ	Chuyên viên	55	20	
10	A010	Phạm Thị Thanh Trúc		18/12/1989	Cán sự Ban Tôn giáo	Sở Nội vụ	Chuyên viên	52	21	
11	A011	Huỳnh Thị Kim Hương		20/08/1986	Cán sự Văn phòng Sở	Sở Tư pháp	Chuyên viên	45	19	
12	A012	Lê Thị Huỳnh Duyên		21/10/1967	Phó Trưởng phòng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Chuyên viên	40	Miễn	
13	A013	Lưu Xuân Dục	01/09/1965		Cán sự Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông	Sở Giao thông vận tải	Chuyên viên	51	Miễn	
14	A014	Tăng Thị Trâm Anh		15/04/1981	Cán sự Phòng Kế hoạch - Tài chính	Sở Giao thông vận tải	Chuyên viên	41	23	
15	A015	Lưu Minh Thơ	18/01/1963		Cán sự Thanh tra Sở	Sở Giao thông vận tải	Chuyên viên	43	Miễn	
16	A016	Vương Thị Mận		10/05/1974	Cán sự Phòng Quản lý Giá - Công sản	Sở Tài chính	Chuyên viên	48	21	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Môn kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/60 câu)	Môn ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/30 câu)	Ghi chú
			Nam	Nữ						
17	A017	Võ Châu Vinh		07/06/1974	Cán sự Văn phòng Sở	Sở Tài chính	Chuyên viên	29	15	
18	A018	Nguyễn Thị Phương Thảo		21/04/1990	Cán sự Văn phòng Sở	Sở Tài chính	Chuyên viên	49	23	
19	A019	Nguyễn Phước Hiền	30/12/1962		Phó Trưởng phòng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Chuyên viên	49	Miễn	
20	A020	Vũ Thị Hạnh Chi		13/06/1982	Cán sự Phòng Xây dựng nếp sống văn hoá và gia đình	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Chuyên viên	43	23	
21	A021	Trịnh Thị Sang		30/11/1971	Cán sự Phòng Nội vụ huyện An Phú	UBND huyện An Phú	Chuyên viên	36	Miễn	
22	A022	Nguyễn Thành Lập	11/12/1970		Cán sự Phòng Tư pháp huyện An Phú	UBND huyện An Phú	Chuyên viên	45	13	
23	A023	Nguyễn Thị Tuyết Mai		16/06/1992	Cán sự Thanh tra huyện An Phú	UBND huyện An Phú	Chuyên viên	56	Miễn	
24	A024	Phan Thị Kim Thúy		20/02/1971	Cán sự Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện An Phú	UBND huyện An Phú	Chuyên viên	40	Miễn	
25	A025	Trần Đức Anh	20/01/1983		Cán sự Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Chợ Mới	UBND huyện Chợ Mới	Chuyên viên	46	17	
26	A026	Huỳnh Văn Hóa	01/03/1964		Cán sự Phòng Lao động, Thương binh - Xã hội huyện Chợ Mới	UBND huyện Chợ Mới	Chuyên viên	48	Miễn	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Môn kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/60 câu)	Môn ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/30 câu)	Ghi chú
			Nam	Nữ						
27	A027	Nguyễn Văn Thái	20/04/1971		Cán sự Phòng Lao động, Thương binh - Xã hội huyện Chợ Mới	UBND huyện Chợ Mới	Chuyên viên	35	6	
28	A028	Tô Thanh Tùng	09/10/1964		Cán sự Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Long Xuyên	UBND TP Long Xuyên	Chuyên viên	52	Miễn	
29	A029	Đỗ Thị Thanh Diễm		20/03/1983	Cán sự Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Châu Thành	UBND huyện Châu Thành	Chuyên viên	48	21	
30	A030	Trần Văn Trà	10/08/1975		Cán sự Phòng Quản lý đô thị TP Châu Đốc	UBND TP Châu Đốc	Chuyên viên	50	Miễn	
31	A031	Phan Minh Trúc		07/10/1985	Cán sự Phòng Kinh tế thành phố Châu Đốc	UBND TP Châu Đốc	Chuyên viên	41	25	
32	A032	Huỳnh Kim Lợi		02/02/1980	Cán sự Văn phòng HĐND và UBND TP Châu Đốc	UBND TP Châu Đốc	Chuyên viên	49	22	
33	A033	Vương Kim Khoa	1980		Cán sự Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Thoại Sơn	UBND huyện Thoại Sơn	Chuyên viên	40	24	
34	A034	Nguyễn Văn Hải	16/07/1979		Cán sự VP. HĐND và UBND huyện Phú Tân	UBND huyện Phú Tân	Chuyên viên	50	21	
35	A035	Trần Thị Như Oanh		30/10/1986	Cán sự VP. HĐND và UBND huyện Phú Tân	UBND huyện Phú Tân	Chuyên viên	48	24	
36	A036	Võ Văn Cường	26/05/1970		Cán sự Phòng Y tế huyện Phú Tân	UBND huyện Phú Tân	Chuyên viên	37	19	
37	A037	Nguyễn Trung Chánh	25/11/1972		Phó Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Phú Tân	UBND huyện Phú Tân	Chuyên viên	37	23	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác	Ngạch dự thi	Môn kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/60 câu)	Môn ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/30 câu)	Ghi chú
			Nam	Nữ					
38	A038	Võ Trương Kim Định		16/12/1990	Cán sự Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Tri Tôn UBND huyện Tri Tôn	Chuyên viên	59	24	
39	A039	Néang Sa Ri		23/05/1981	Cán sự Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Tri Tôn UBND huyện Tri Tôn	Chuyên viên	41	Miễn	
40	A040	Trần Thị Ngọc Viên		10/07/1986	Cán sự Thanh Tra huyện Tri Tôn UBND huyện Tri Tôn	Chuyên viên	49	Miễn	
41	A041	Huỳnh Minh Luật	01/01/1977		Cán sự Phòng Y tế huyện Châu Phú UBND huyện Châu Phú	Chuyên viên	43	25	
42	A042	Soroles	10/07/1974		Trưởng phòng Dân tộc TX Tân Châu UBND TX Tân Châu	Chuyên viên	52	22	
43	A043	Nguyễn Anh Phương	12/04/1967		Phó Trưởng phòng Kinh tế TX Tân Châu UBND TX Tân Châu	Chuyên viên	50	Miễn	
44	A044	Đoàn Tấn Lâm	19/04/1972		Cán sự Phòng Kinh tế TX Tân Châu UBND TX Tân Châu	Chuyên viên	42	22	
45	A045	Đặng Văn Cán	20/10/1966		Phó Trưởng phòng Văn hóa - Thông tin TX Tân Châu UBND TX Tân Châu	Chuyên viên	51	Miễn	
46	A046	Huỳnh Hoàng Tông Nữ Phối Ly		18/07/1977	Cán sự Phòng Tài chính - Kế hoạch TX Tân Châu UBND TX Tân Châu	Chuyên viên	40	Miễn	
47	A047	Trần Thị Thủy Linh		01/04/1976	Cán sự Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội TX Tân Châu UBND TX Tân Châu	Chuyên viên	57	Miễn	
48	A048	Phan Thị Diễm		11/09/1973	Cán sự Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội TX Tân Châu UBND TX Tân Châu	Chuyên viên	53	23	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Môn kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/60 câu)	Môn ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/30 câu)	Ghi chú
			Nam	Nữ						
49	A049	Huỳnh Văn Phong	1985		Cán sự Văn phòng HĐND và UBND huyện Tịnh Biên	UBND huyện Tịnh Biên	Chuyên viên	50	Miễn	
50	A050	Trương Kim Nga	30/07/1974		Cán sự Phòng Nội vụ huyện Tịnh Biên	UBND huyện Tịnh Biên	Chuyên viên	48	Miễn	
51	A051	Nguyễn Minh Giang	30/01/1980		Cán sự Thanh tra huyện Tịnh Biên	UBND huyện Tịnh Biên	Chuyên viên	48	Miễn	
52	A052	Trần Hoàng Phúc	08/10/1964		Cán sự Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Tịnh Biên	UBND huyện Tịnh Biên	Chuyên viên	46	Miễn	
53	A053	Nguyễn Thị Thu Lan		1986	Kế toán Chi cục Văn thư - Lưu trữ	Sở Nội vụ	Kế toán viên	46	22	
54	A054	Dương Bảo Châu		20/06/1987	Kế toán Phòng Kế hoạch - Tài chính	Sở Giao thông vận tải	Kế toán viên	39	18	
55	A055	Võ Thị Phụng Oanh		10/07/1985	Phó Trưởng phòng, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Sở Y tế	Kế toán viên	44	23	
56	A056	Phạm Mi Liên Minh	28/07/1978		Kế toán Phòng Tài chính - Kế hoạch TP Long Xuyên	UBND TP Long Xuyên	Kế toán viên	44	21	
57	A057	Nguyễn Thị Phước Mai		14/06/1985	Kế toán Phòng Tài chính - Kế hoạch TP Long Xuyên	UBND TP Long Xuyên	Kế toán viên	55	27	
58	A058	Huỳnh Thanh Tùng	07/05/1980		Kiểm lâm viên trung cấp Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	28	6	
59	A059	Vũ Minh Quới	21/12/1970		Kiểm lâm viên trung cấp Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	29	9	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Môn kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/60 câu)	Môn ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/30 câu)	Ghi chú
			Nam	Nữ						
60	A060	Lê Thành Cháy	05/08/1985		Kiểm lâm viên trung cấp Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	32	18	
61	A061	Trần Trung Thuận	04/10/1980		Kiểm lâm viên trung cấp Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	52	21	
62	A062	Nguyễn Văn Thương	26/07/1971		Trưởng Trạm Kiểm lâm Lê Trì, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	38	23	
63	A063	Lữ Thanh Hùng	21/06/1971		Trưởng Trạm Kiểm lâm Nhà Bàng, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	30	4	
Tổng cộng: 63 người										

PHỤ LỤC 3
DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÒNG 2
KỶ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC HÀNH CHÍNH LÊN CHUYÊN VIÊN HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG NĂM 2020
(Kèm theo Thông báo số 12/TB-HĐT ngày 07/4/2021 của Hội đồng thi nâng ngạch công chức,
thăng hạng viên chức hành chính lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương năm 2020)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Môn kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/60 câu)	Môn ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/30 câu)	Ghi chú
			Nam	Nữ						
1	B001	Lê Thị Tứ Phương		05/12/1983	Phó Trưởng phòng, Trung tâm Giống thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	37	16	
2	B002	Nguyễn Văn Hoàng	17/7/1982		Cán sự Trung tâm Kỹ thuật - Dịch vụ nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	49	21	
3	B003	Trần Huỳnh Mai		24/4/1983	Phó Trưởng phòng, Trung tâm Kỹ thuật - Dịch vụ nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	48	23	
4	B004	Chu Thị Thu Hường		21/9/1982	Nhân viên Trung tâm Kỹ thuật - Dịch vụ nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	34	18	
5	B005	Mai Thị Tiến		29/10/1985	Cán sự Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Sở Y tế	Chuyên viên	43	24	
6	B006	Dương Thị Mỹ Dung		25/01/1969	Nhân viên Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh	Sở Y tế	Chuyên viên	33	Miễn	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Môn kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/60 câu)	Môn ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/30 câu)	Ghi chú
			Nam	Nữ						
7	B007	Nguyễn Ngọc Trân		02/07/1976	Nhân viên Bệnh viện Mắt-TMH-RHM	Sở Y tế	Chuyên viên	44	Miễn	
8	B008	Huỳnh Thị Thảo		17/09/1974	Phó Trưởng phòng, Trung tâm Y tế TP Châu Đốc	Sở Y tế	Chuyên viên	42	20	
9	B009	Trần Thị Thanh Loan		09/08/1985	Nhân viên Trung tâm Y tế TP Châu Đốc	Sở Y tế	Chuyên viên	51	18	
10	B010	Nguyễn Thị Trang		1975	Phó Trưởng phòng, Trung tâm Y tế huyện Tịnh Biên	Sở Y tế	Chuyên viên	39	Miễn	
11	B011	Lê Thành Hậu	07/02/1979		Phó Trưởng phòng, Trung tâm Y tế huyện Tịnh Biên	Sở Y tế	Chuyên viên	44	Miễn	
12	B012	Trung Vương Hoàng Lượng	16/09/1988		Nhân viên Trung tâm Thẩm định dự án Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Chuyên viên	55	23	
13	B013	Phan Phúc Kiến	15/10/1985		Phó Trưởng phòng, Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên	52	25	
14	B014	Nguyễn Phúc Vĩnh	20/02/1981		Phó Trưởng phòng, Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên	47	20	
15	B015	Phạm Văn Tám	06/02/1980		Trưởng phòng, Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên	49	18	
16	B016	Nguyễn Hồng Sơn	15/05/1980		Phó Trưởng phòng, Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên	51	25	
17	B017	Huỳnh Văn Hận	28/08/1984		Phó Trưởng phòng, Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên	43	22	
18	B018	Huỳnh Phú Cường	17/07/1965		Cán sự Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên	54	Miễn	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Môn kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/60 câu)	Môn ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/30 câu)	Ghi chú
			Nam	Nữ						
19	B019	Hồ Thị Kim Hồng		11/04/1987	Phó Trưởng phòng, Trung tâm Dịch vụ việc làm An Giang	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên	51	27	
20	B020	Võ Thanh Hải	28/08/1965		Phó Trưởng phòng, Trung tâm Thẩm định dịch vụ tài chính	Sở Tài chính	Chuyên viên	40	Miễn	
21	B021	Phan Kim Nhị		18/02/1984	Trưởng phòng, Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Chuyên viên	52	20	
22	B022	Nguyễn Sĩ Hùng	24/11/1969		Phó Trưởng phòng, Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Chuyên viên	43	19	
23	B023	Dương Thanh Khiết	23/12/1985		Trưởng phòng, Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Chuyên viên	39	23	
24	B024	Trần Lệ Xuân		19/06/1976	Phó Giám đốc Trung tâm Tin học tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Chuyên viên	47	18	
25	B025	Trần Thiện Khâm	09/06/1989		Phó Trưởng phòng	Ban Quản lý Di tích Văn hóa Óc Eo	Chuyên viên	48	25	
26	B026	Phan Ngọc Tuấn	15/08/1980		Nhân viên Đài Truyền thanh huyện An Phú	UBND huyện An Phú	Chuyên viên	35	18	
27	B027	Huỳnh Hồ Thanh Huy	1976		Phó Giám đốc Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện An Phú	UBND huyện An Phú	Chuyên viên	54	Miễn	
28	B028	Trương Hồ Triều Nghi	10/04/1975		Cán sự Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Chợ Mới	UBND huyện Chợ Mới	Chuyên viên	50	21	
29	B029	Nguyễn Toàn Thắng	24/06/1983		Cán sự Đội Quản lý trật tự đô thị TP Long Xuyên	UBND TP Long Xuyên	Chuyên viên	51	24	
30	B030	Lê Hữu Đức	24/12/1982		Phó Giám đốc Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện Châu Thành	UBND huyện Châu Thành	Chuyên viên	32	16	



TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Môn kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/60 câu)	Môn ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/30 câu)	Ghi chú
			Nam	Nữ						
31	B031	Võ Ngọc Hạnh		16/09/1975	Cán sự Trung tâm Phát triển Quỹ đất TP Châu Đốc	UBND TP Châu Đốc	Chuyên viên	49	15	
32	B033	Nguyễn Thị Kim Ngân		12/06/1987	Kế toán Trung tâm Tư vấn Dịch vụ Dân số - gia đình và trẻ em	Sở Y tế	Kế toán viên	44	24	
33	B034	Nguyễn Thị Kim Sang		12/06/1983	Kế toán Bệnh viện Đa khoa trung tâm An Giang	Sở Y tế	Kế toán viên	38	17	
34	B035	Hồ Thị Cẩm Quyên		22/01/1983	Kế toán Bệnh viện Đa khoa trung tâm An Giang	Sở Y tế	Kế toán viên	46	23	
35	B036	Lê Dương Bích Thuận		10/05/1980	Kế toán Bệnh viện Sản - Nhi	Sở Y tế	Kế toán viên	41	22	
36	B037	Bùi Trung Việt	17/01/1972		Kế toán Bệnh viện Sản - Nhi	Sở Y tế	Kế toán viên	54	21	
37	B038	Huỳnh Dương Ngọc Tú	28/08/1985		Kế toán Bệnh viện Sản - Nhi	Sở Y tế	Kế toán viên	45	18	
38	B039	Phạm Nguyễn Thảo Nguyên		29/12/1985	Kế toán Bệnh viện Sản - Nhi	Sở Y tế	Kế toán viên	47	21	
39	B040	Lê Ngọc Dung		25/05/1989	Kế toán Bệnh viện Sản - Nhi	Sở Y tế	Kế toán viên	37	22	
40	B041	Huỳnh Ngọc Diễm		12/02/1986	Kế toán Bệnh viện Sản - Nhi	Sở Y tế	Kế toán viên	49	22	
41	B042	Lê Thị Thùy Trang		04/05/1986	Kế toán Bệnh viện Sản - Nhi	Sở Y tế	Kế toán viên	39	23	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Môn kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/60 câu)	Môn ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/30 câu)	Ghi chú
			Nam	Nữ						
42	B043	Hà Thị Bích Hoàn		13/04/1973	Kế toán Bệnh viện Tim mạch	Sở Y tế	Kế toán viên	35	17	
43	B044	Trần Kim Ngọc		20/03/1982	Kế toán Bệnh viện Tim mạch	Sở Y tế	Kế toán viên	32	21	
44	B045	Lương Thị Thanh Tâm		16/06/1981	Phó Trưởng phòng, Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Châu	Sở Y tế	Kế toán viên	40	22	
45	B046	Trần Ngọc Vân Khoa		22/12/1982	Kế toán Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Châu	Sở Y tế	Kế toán viên	41	20	
46	B047	Đỗ Thị Thanh Trúc		07/07/1982	Kế toán Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Châu	Sở Y tế	Kế toán viên	36	18	
47	B048	Huỳnh Quốc Điền	30/10/1988		Kế toán Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Sở Y tế	Kế toán viên	46	25	
48	B049	Dương Kim Thoa		13/03/1975	Phó Trưởng phòng, Trường Trung cấp Nghề Dân tộc nội trú	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Kế toán viên	44	21	
49	B050	Trần Thị Ngọc Hương		02/06/1985	Kế toán	Trường Cao đẳng Nghề An Giang	Kế toán viên	48	23	
Tổng cộng: 49 người										



PHỤ LỤC 4
DANH SÁCH CÔNG CHỨC CÓ ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÒNG 2

KỶ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC HÀNH CHÍNH LÊN CHUYÊN VIÊN HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG NĂM 2020

*(Kèm theo Thông báo số 12/TB-HDT ngày 07/4/2021 của Hội đồng thi nâng ngạch công chức,
thăng hạng viên chức hành chính lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương năm 2020)*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Môn kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/60 câu)	Môn ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/30 câu)	Ghi chú
			Nam	Nữ						
1	A002	Võ Trung Kiên	06/01/1986		Nhân viên Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	44	22	
2	A003	Trần Thị Trường An		16/07/1979	Cán sự Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	48	15	
3	A004	Nguyễn Thị Phú		22/04/1983	Cán sự Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	42	21	
4	A005	Đỗ Văn Hữu	10/11/1972		Phó Trưởng phòng, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Sở Y tế	Chuyên viên	48	21	
5	A006	Nguyễn Văn Ngọc	04/12/1977		Cán sự Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Sở Y tế	Chuyên viên	49	20	
6	A007	Trần Phương Nam	25/11/1990		Cán sự Phòng Quản lý quy hoạch và xây dựng	Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh	Chuyên viên	52	26	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Môn kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/60 câu)	Môn ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/30 câu)	Ghi chú
			Nam	Nữ						
7	A008	Trần Thị Niêm		24/04/1977	Cán sự Phòng Quản lý doanh nghiệp	Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh	Chuyên viên	42	15	
8	A009	Triệu Thạch Vũ	1979		Cán sự Ban Tôn giáo	Sở Nội vụ	Chuyên viên	55	20	
9	A010	Phạm Thị Thanh Trúc		18/12/1989	Cán sự Ban Tôn giáo	Sở Nội vụ	Chuyên viên	52	21	
10	A011	Huỳnh Thị Kim Hương		20/08/1986	Cán sự Văn phòng Sở	Sở Tư pháp	Chuyên viên	45	19	
11	A012	Lê Thị Huỳnh Duyên		21/10/1967	Phó Trưởng phòng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Chuyên viên	40	Miễn	
12	A013	Lưu Xuân Dục	01/09/1965		Cán sự Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông	Sở Giao thông vận tải	Chuyên viên	51	Miễn	
13	A014	Tăng Thị Trâm Anh		15/04/1981	Cán sự Phòng Kế hoạch - Tài chính	Sở Giao thông vận tải	Chuyên viên	41	23	
14	A015	Lưu Minh Thơ	18/01/1963		Cán sự Thanh tra Sở	Sở Giao thông vận tải	Chuyên viên	43	Miễn	
15	A016	Vương Thị Mận		10/05/1974	Cán sự Phòng Quản lý Giá - Công sản	Sở Tài chính	Chuyên viên	48	21	
16	A018	Nguyễn Thị Phương Thảo		21/04/1990	Cán sự Văn phòng Sở	Sở Tài chính	Chuyên viên	49	23	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Môn kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/60 câu)	Môn ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/30 câu)	Ghi chú
			Nam	Nữ						
17	A019	Nguyễn Phước Hiền	30/12/1962		Phó Trưởng phòng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Chuyên viên	49	Miễn	
18	A020	Vũ Thị Hạnh Chi		13/06/1982	Cán sự Phòng Xây dựng nếp sống văn hoá và gia đình	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Chuyên viên	43	23	
19	A021	Trịnh Thị Sang		30/11/1971	Cán sự Phòng Nội vụ huyện An Phú	UBND huyện An Phú	Chuyên viên	36	Miễn	
20	A023	Nguyễn Thị Tuyết Mai		16/06/1992	Cán sự Thanh tra huyện An Phú	UBND huyện An Phú	Chuyên viên	56	Miễn	
21	A024	Phan Thị Kim Thúy		20/02/1971	Cán sự Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện An Phú	UBND huyện An Phú	Chuyên viên	40	Miễn	
22	A025	Trần Đức Anh	20/01/1983		Cán sự Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Chợ Mới	UBND huyện Chợ Mới	Chuyên viên	46	17	
23	A026	Huỳnh Văn Hóa	01/03/1964		Cán sự Phòng Lao động, Thương binh - Xã hội huyện Chợ Mới	UBND huyện Chợ Mới	Chuyên viên	48	Miễn	
24	A028	Tô Thanh Tùng	09/10/1964		Cán sự Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Long Xuyên	UBND TP Long Xuyên	Chuyên viên	52	Miễn	
25	A029	Đỗ Thị Thanh Diễm		20/03/1983	Cán sự Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Châu Thành	UBND huyện Châu Thành	Chuyên viên	48	21	
26	A030	Trần Văn Trà	10/08/1975		Cán sự Phòng Quản lý đô thị TP Châu Đốc	UBND TP Châu Đốc	Chuyên viên	50	Miễn	
27	A031	Phan Minh Trúc		07/10/1985	Cán sự Phòng Kinh tế thành phố Châu Đốc	UBND TP Châu Đốc	Chuyên viên	41	25	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Môn kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/60 câu)	Môn ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/30 câu)	Ghi chú
			Nam	Nữ						
28	A032	Huỳnh Kim Lợi		02/02/1980	Cán sự Văn phòng HĐND và UBND TP Châu Đốc	UBND TP Châu Đốc	Chuyên viên	49	22	
29	A033	Vương Kim Khoa	1980		Cán sự Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Thoại Sơn	UBND huyện Thoại Sơn	Chuyên viên	40	24	
30	A034	Nguyễn Văn Hải	16/07/1979		Cán sự VP. HĐND và UBND huyện Phú Tân	UBND huyện Phú Tân	Chuyên viên	50	21	
31	A035	Trần Thị Như Oanh		30/10/1986	Cán sự VP. HĐND và UBND huyện Phú Tân	UBND huyện Phú Tân	Chuyên viên	48	24	
32	A036	Võ Văn Cường	26/05/1970		Cán sự Phòng Y tế huyện Phú Tân	UBND huyện Phú Tân	Chuyên viên	37	19	
33	A037	Nguyễn Trung Chánh	25/11/1972		Phó Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Phú Tân	UBND huyện Phú Tân	Chuyên viên	37	23	
34	A038	Võ Trương Kim Định		16/12/1990	Cán sự Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Tri Tôn	UBND huyện Tri Tôn	Chuyên viên	59	24	
35	A039	Néang Sa Ri		23/05/1981	Cán sự Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Tri Tôn	UBND huyện Tri Tôn	Chuyên viên	41	Miễn	
36	A040	Trần Thị Ngọc Viên		10/07/1986	Cán sự Thanh Tra huyện Tri Tôn	UBND huyện Tri Tôn	Chuyên viên	49	Miễn	
37	A041	Huỳnh Minh Luật	01/01/1977		Cán sự Phòng Y tế huyện Châu Phú	UBND huyện Châu Phú	Chuyên viên	43	25	
38	A042	Soroles	10/07/1974		Trưởng phòng Dân tộc TX Tân Châu	UBND TX Tân Châu	Chuyên viên	52	22	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Môn kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/60 câu)	Môn ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/30 câu)	Ghi chú
			Nam	Nữ						
39	A043	Nguyễn Anh Phương	12/04/1967		Phó Trưởng phòng Kinh tế TX Tân Châu	UBND TX Tân Châu	Chuyên viên	50	Miễn	
40	A044	Đoàn Tấn Lâm	19/04/1972		Cán sự Phòng Kinh tế TX Tân Châu	UBND TX Tân Châu	Chuyên viên	42	22	
41	A045	Đặng Văn Cán	20/10/1966		Phó Trưởng phòng Văn hóa - Thông tin TX Tân Châu	UBND TX Tân Châu	Chuyên viên	51	Miễn	
42	A046	Huỳnh Hoàng Tông Nữ Phối Ly		18/07/1977	Cán sự Phòng Tài chính - Kế hoạch TX Tân Châu	UBND TX Tân Châu	Chuyên viên	40	Miễn	
43	A047	Trần Thị Thủy Linh		01/04/1976	Cán sự Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội TX Tân Châu	UBND TX Tân Châu	Chuyên viên	57	Miễn	
44	A048	Phan Thị Diễm		11/09/1973	Cán sự Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội TX Tân Châu	UBND TX Tân Châu	Chuyên viên	53	23	
45	A049	Huỳnh Văn Phong	1985		Cán sự Văn phòng HDND và UBND huyện Tịnh Biên	UBND huyện Tịnh Biên	Chuyên viên	50	Miễn	
46	A050	Trương Kim Nga	30/07/1974		Cán sự Phòng Nội vụ huyện Tịnh Biên	UBND huyện Tịnh Biên	Chuyên viên	48	Miễn	
47	A051	Nguyễn Minh Giang	30/01/1980		Cán sự Thanh tra huyện Tịnh Biên	UBND huyện Tịnh Biên	Chuyên viên	48	Miễn	
48	A052	Trần Hoàng Phúc	08/10/1964		Cán sự Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Tịnh Biên	UBND huyện Tịnh Biên	Chuyên viên	46	Miễn	
49	A053	Nguyễn Thị Thu Lan		1986	Kế toán Chi cục Văn thư - Lưu trữ	Sở Nội vụ	Kế toán viên	46	22	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Môn kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/60 câu)	Môn ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/30 câu)	Ghi chú
			Nam	Nữ						
50	A054	Dương Bảo Châu		20/06/1987	Kế toán Phòng Kế hoạch - Tài chính	Sở Giao thông vận tải	Kế toán viên	39	18	
51	A055	Võ Thị Phượng Oanh		10/07/1985	Phó Trưởng phòng, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Sở Y tế	Kế toán viên	44	23	
52	A056	Phạm Mi Liên Minh	28/07/1978		Kế toán Phòng Tài chính - Kế hoạch TP Long Xuyên	UBND TP Long Xuyên	Kế toán viên	44	21	
53	A057	Nguyễn Thị Phước Mai		14/06/1985	Kế toán Phòng Tài chính - Kế hoạch TP Long Xuyên	UBND TP Long Xuyên	Kế toán viên	55	27	
54	A060	Lê Thành Chây	05/08/1985		Kiểm lâm viên trung cấp Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	32	18	
55	A061	Trần Trung Thuận	04/10/1980		Kiểm lâm viên trung cấp Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	52	21	
56	A062	Nguyễn Văn Thương	26/07/1971		Trưởng Trạm Kiểm lâm Lê Trì, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	38	23	
Tổng cộng: 56 người										



**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO
PHỤC VỤ KỲ THI NÂNG NGẠCH LÊN CHUYÊN VIÊN
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO PHỤC VỤ KỲ THI NÂNG NGẠCH
CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2020**

Chuyên môn, nghiệp vụ: Kiểm lâm viên

*(Kèm theo Thông báo số 12/TB-HĐT ngày 17/4/2021
của Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức
hành chính lên chuyên viên hoặc tương đương năm 2020)*

1. Luật Lâm nghiệp năm 2017.
2. Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017.
3. Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng.
4. Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 11 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp.
5. Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.
6. Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định về các biện pháp lâm sinh.
7. Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và phát triển nông thôn quy định về phân định ranh giới rừng.
8. Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng.



**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO
PHỤC VỤ KỲ THI NÂNG NGẠCH LÊN CHUYÊN VIÊN
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO PHỤC VỤ KỲ THI NÂNG NGẠCH
CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2020**

Chuyên môn, nghiệp vụ: Chuyên viên (dành cho công chức)

*(Kèm theo Thông báo số 12 /TB-HĐT ngày 07/4/2021
của Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức
hành chính lên chuyên viên hoặc tương đương năm 2020)*

1. Hiến pháp Việt Nam năm 2013.
2. Luật Cán bộ, công chức năm 2008.
3. Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019.
4. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.
5. Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII.
7. Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) ngày 17/4/2015 về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.
8. Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ngày 27/10/2017 về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
9. Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020.
10. Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.
11. Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.
12. Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.
13. Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ Về vị trí việc làm và biên chế công chức.
14. Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025.
15. Tài liệu bồi dưỡng ngạch chuyên viên do Bộ Nội vụ ban hành năm 2018.



**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO
PHỤC VỤ KỲ THI NÂNG NGẠCH LÊN CHUYÊN VIÊN
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO PHỤC VỤ KỲ THI NÂNG NGẠCH
CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2020**

Chuyên môn, nghiệp vụ: Chuyên viên (dành cho viên chức)

*(Kèm theo Thông báo số 12 /TB-HĐT ngày 07/4/2021
của Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức
hành chính lên chuyên viên hoặc tương đương năm 2020)*

1. Hiến pháp Việt Nam năm 2013.
2. Luật Viên chức năm 2010.
3. Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019.
4. Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI), ngày 17/4/2015 về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII.
6. Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ngày 27/10/2017 về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
7. Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ngày 27/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.
8. Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020.
9. Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.
10. Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.
11. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
12. Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.
13. Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.
14. Tài liệu bồi dưỡng ngạch chuyên viên do Bộ Nội vụ ban hành năm 2018.



**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO PHỤC VỤ KỲ THI NÂNG NGẠCH
CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2020**

Chuyên ngành: Kế toán viên (dành cho công chức, viên chức)

(Kèm theo Thông báo số 12 /TB-HĐT ngày 07/4/2021

*của Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức
hành chính lên chuyên viên hoặc tương đương năm 2020)*

1. Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015
2. Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015.
3. Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14/3/2017 của Chính phủ về báo cáo tài chính nhà nước.
4. Nghị định số 41/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập.
5. Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.
6. Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán.
7. Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.
8. Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm.
9. Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.
10. Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.
11. Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn.